

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:1631/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08/11/2018

Về việc tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tường Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Thành Viên

2/ Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa : Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Thảo– Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 623/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 05 năm 2018 về việc “*tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 456/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 383/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Quang H, sinh năm: 198x (có mặt);

Địa chỉ: Phường 08, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Phan Lê Hà T, sinh năm: 199x (có mặt);

Địa chỉ: Phường 17, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/03/2018 và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đặng Quang H trình bày:

Ông và bà Phan Lê Hà T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận 6 theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx, cấp ngày xx tháng yy năm 2013. Quá trình chung sống ông bà có 02 (hai) con chung tên: Đặng Tuấn K, sinh ngày xx/yy/2014 và Đặng Khả M, sinh ngày xx/yy/2016.

Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, có nhiều khác biệt trong cách sống, quan điểm sống và không thể giải quyết được nên dẫn đến thường xuyên cãi vã, xáo lộn trong cuộc sống. Ông phát hiện bà T không còn thương chồng và có tình cảm với người đàn ông khác và có chứng cứ chứng minh vấn đề này. Khi phát sinh mâu thuẫn, ông đã cố gắng hòa giải nhiều lần song vẫn không có kết quả. Hiện nay, ông và bà T đã ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân này không thể hàn gắn nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông xin được trực tiếp nuôi trẻ Đặng Tuấn K, sinh ngày xx/yy/2014 không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Giao bà T trực tiếp nuôi trẻ Đặng Khả M, sinh ngày xx/yy/2016 và ông không cấp dưỡng nuôi con. Cơ sở để ông H yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ K là ông có đủ điều kiện về vật chất và tinh thần để nuôi dưỡng trẻ K;

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Lê Hà T trình bày:

Bà và ông Đặng Quang H sống chung và có đăng ký kết hôn đúng như ông H trình bày. Quá trình chung sống bà và ông H có 02 (hai) con chung tên: Đặng Tuấn K sinh ngày xx/yy/2014 và Đặng Khả M, sinh ngày xx/yy/2016. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng bà cảm thấy mâu thuẫn không đến mức trầm trọng và tình cảm vợ chồng còn có thể hàn gắn được. Hiện nay bà T và ông H đã ly thân. Qua nhiều lần hòa giải trước bà T vẫn còn thương chồng, nên muốn đoàn tụ vợ chồng và không muốn ly hôn và do con còn nhỏ nên bà sợ ảnh hưởng đến tâm lý phát triển của các con. Tuy nhiên trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, bà xin được nuôi hai con chung là trẻ Đặng Tuấn K sinh ngày xx/yy/2014 và Đặng Khả M, sinh ngày xx/yy/2016, do hiện nay bà đang trực tiếp nuôi con, các trẻ đều còn nhỏ cần sự chăm sóc của bà. Bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Cụ thể, ông yêu cầu được ly hôn với bà Phan Lê Hà T; Về con chung: Yêu cầu trực tiếp nuôi trẻ Đặng Tuấn K, sinh ngày xx/yy/2014 không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Giao bà T trực tiếp nuôi trẻ Đặng Khả M, sinh ngày xx/yy/2016 và ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn thay đổi ý kiến : Bà nhận thấy, tình cảm ông H đã không còn tình cảm nên bà đồng ý ly hôn. Về con chung bà yêu cầu được nuôi hai con chung là trẻ Đặng Tuấn K sinh ngày xx/yy/2014 và Đặng Khả M, sinh ngày xx/yy/2016. Bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con do có thu nhập ổn định nên có khả năng nuôi hai con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định tại các Điều 28, 68, 97, 195, 196 và 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc gửi Quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tổng đạt văn bản của Tòa cho đương sự đầy đủ, đảm bảo thời hạn gửi các văn bản tố tụng cho đương sự và hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS năm 2015. Bị đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015

- Về nội dung:

Đề xuất: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: ông H được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Trẻ K và trẻ M sinh vẫn còn nhỏ, và trẻ M lại là bé Gái vì vậy nên giao cho bà T trực tiếp nuôi 02 trẻ Đặng Tuấn K và Đặng Khả M để

đảm bảo hai cháu có được sự chăm sóc tốt nhất. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xét. Nợ chung đương sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ông H có đơn yêu cầu xin ly hôn với bà Phan Lê Hà T. Bà T có địa chỉ cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường X, Quận 6 theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx, cấp ngày xx tháng 10 năm 2013 nên quan hệ hôn nhân giữa Ông H và bà T được công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được điều chỉnh bởi luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông H: Hội đồng xét xử xét thấy Hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương tôn trọng giữa hai vợ chồng. Vợ chồng phải cùng có trách nhiệm vun đắp, xây dựng gia đình hạnh phúc.

Qua xem xét lời khai của đôi bên đều thể hiện trong cuộc sống vợ chồng giữa ông H và bà T có những mâu thuẫn mà cho đến nay vẫn không giải quyết được. Giữa vợ chồng có sự nghi ngờ nhau về lòng chung thủy. Tại phiên Tòa hôm nay, bà T xác định không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn với ông H. Chứng tỏ mâu thuẫn đôi bên đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của ông H là có cơ sở nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu được nuôi con của ông H: Ông H xin được trực tiếp nuôi 01 con chung là Đặng Tuấn K, sinh ngày xx/yy/2014 Tại phiên tòa hôm nay ông H vẫn giữ yêu cầu nuôi trẻ K không yêu cầu bà T cấp dưỡng. Còn Bà T yêu cầu

được nuôi hai con chung là trẻ Đặng Tuấn K sinh ngày xx/yy/2014 và Đặng Khả M, sinh ngày xx/yy/2016. Bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ trước đến nay, bà T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ K và trẻ M và hiện nay các trẻ đều được chăm sóc tốt, cùng vui chơi, cùng ổn định phát triển tâm sinh lý. Theo quy định Khoản 3 Điều 81 Luật HNGĐ thì “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Trẻ M sinh ngày xx/yy/2016, tính tới thời điểm xét xử trẻ M dưới 36 tháng nên về nguyên tắc giao cần giao trẻ cho mẹ trực tiếp nuôi. Để đảm bảo sự chăm sóc, nuôi dưỡng cho con trẻ được tốt nhất và nếu trong trường hợp này tách hai con nhỏ ra sẽ gây tác động, ảnh hưởng tâm lý phát triển, có thể tổn thương đến tâm lý con trẻ sau này vì hai trẻ đang sống cùng với nhau và cả hai trẻ đang trong độ tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của con trẻ, theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử nghĩ nên không chấp nhận yêu cầu được nuôi trẻ Đặng Tuấn K của nguyên đơn, cần giao trẻ K và trẻ M cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, xét việc không yêu cầu là ý chí tự nguyện của bà T và không trái pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu chia tài sản chung: Ông H và bà T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đặng Quang H phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, điểm a Khoản 1 điều 35, điểm a Khoản 1 điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Điều a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Quang H được ly hôn với bà Phan Lê Hà T

Giấy chứng nhận kết hôn số xx, do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận 6 cấp cho bà T và ông H ngày xx tháng 10 năm 2013 không còn hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cho bà Phan Lê Hà T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là trẻ Đặng Tuấn K sinh ngày xx/yy/2014 và Đặng Khả M, sinh ngày xx/yy/2016 đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do ông Đặng Quang H chịu nhưng được cản trở vào tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/00291xx ngày xx/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tường Linh